

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày: 22-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng M Lý;

2/ Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn R, sinh năm 1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Đào Thị H; tiền sự: Không.

Tiền án: có 03 tiền án.

- Ngày 24/11/2010, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí M xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 338/2010/HSST. Ngày 12/6/2011, R chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 25/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí M xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 236/2011/HSST. Ngày 25/8/2011, R chấp hành xong hình phạt tù, nhưng R chưa chấp hành việc đóng tiền án phí.

- Ngày 18/3/2013, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí M xử phạt 03 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2013/HSST. Ngày 03/6/2016, R chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong việc bồi thường dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/10/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Anh Đặng Hữu T, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Hoàng Trung H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn R là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 16 giờ ngày 18/10/2019, R cùng bạn gái là chị Đào Thị Di Á đi đến quán cà phê (không xác định rõ tên quán và địa chỉ cụ thể) thuộc phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thì gặp người nam tên M (không xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) ở bàn bên cạnh nên R sang nói chuyện Rêng với M. Lúc này, M rủ R đi lấy trộm tài sản rồi bán lấy tiền chia nhau thì R đồng ý nên R để chị Á ở lại quán cà phê rồi để M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh (không xác định rõ biển số) của M chở R đến khu vực thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày 18/10/2019, khi R và M đi đến trước khu nhà trọ, địa chỉ tại số 324/33, tổ 3, khu 4, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì M phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, biển số 61N1-109.89, màu xanh-đen, số khung: HAZJ159908, số máy: CGAHD159713 của anh Đặng Hữu T, sinh năm 1999, cư trú tại ấp 3, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đang dựng trước cửa phòng trọ số 03 nhưng không có người coi giữ thì M để R ở ngoài trông xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter còn M cầm theo 01 (một) chiếc túi nhỏ màu đen đựng dụng cụ dùng để bẻ khóa xe đi vào trong khu nhà trọ. Khoảng 03 phút sau, M đi ra gặp R rồi kêu R đi vào trong khu nhà trọ dẫn xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, biển số 61N1-109.89. Lúc này, R đi vào trong khu nhà trọ thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, biển số 61N1-109.89, không có người coi giữ, đèn xe sáng sẵn do đã được M bẻ và mở khóa nên R liền đẩy lùi xe mô tô biển số 61N1-109.89 ra khỏi khu nhà trọ. Cùng lúc này, anh Nguyễn Hoàng Trung H điều khiển xe mô tô chở anh Đặng Hữu T đi về khu nhà trọ thì phát hiện M đứng ở ngoài cổng khu nhà trọ có biểu hiện nghi vấn nên anh Hiếu và anh T đi vào trong khu nhà trọ thì thấy R đang ngồi trên xe mô tô biển số 61N1-109.89 của anh T rồi nổ máy xe chuẩn bị bỏ chạy nên anh Hiếu và anh T đuổi theo. Thấy vậy, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh (không xác định rõ biển số) tẩu thoát và vút lại bên đường chiếc túi màu đen trong đó có 03 (ba) đoạn sắt dùng để bẻ khóa. Còn R bỏ chạy được khoảng 70 mét thì bị anh Hiếu và anh T bắt được, giao R cùng vật chứng là: 01 xe mô tô biển số 61N1-109.89; 03 (ba) đoạn sắt được bỏ trong chiếc túi nhỏ màu đen; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen cho Công an phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một xử lý. Ngày 19/10/2019, Công an phường Phú Hòa bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xử lý.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 305 ngày 24/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, màu xanh đen, số máy CGA11D159713, số khung HAZJJ159908, biển số 61N1-109.89, trị giá: 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, màu xanh đen, biển số 61N1-109.89, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do anh Đặng Hữu T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nên ngày 28/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả xe mô tô trên cho anh Đặng Hữu T. Đối với ổ khóa xe mô tô biển số 61N1-109.89 bị đối tượng M bẻ khóa, bị hư hỏng nhẹ nên anh T không có yêu cầu bồi thường.

Đối với người nam tên M là đồng phạm cùng với Lê Văn R thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, biển số 61N1-109.89 của anh Đặng Hữu T, do R không rõ nhân thân, lai lịch của M nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục xác M, xử lý sau.

Đối với 01 (một) chiếc túi trong đó có 03 (ba) đoạn sắt dùng để bẻ khóa, quá trình điều tra xác định đây là công cụ đối tượng M sử dụng vào việc phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một để tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen thu giữ của Lê Văn R là tài sản Rêng của R, không liên quan đến vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho bị cáo.

Cáo trạng số 66/CT-VKS-HS ngày 11/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Lê Văn R về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc túi trong đó có 03 (ba) đoạn sắt là công cụ thực hiện tội phạm hiện nay không còn giá trị sử dụng và trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen là tài sản Rêng của bị cáo, không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 18/10/2019, tại khu nhà trọ địa chỉ số 324/33, tổ 3, khu 4, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Lê Văn R có hành vi lén lút lấy trộm 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SatRa, biển số 61N1-109.89, trị giá: 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng của anh Đặng Hữu T. Năm 2011, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý và bị kết án vào năm 2013. Nay bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý trường hợp này được coi là tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi và trao trả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) túi vải màu đen bên trong có 03 (ba) đoạn sắt là công cụ thực hiện tội phạm và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen là tài sản Riêng của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Văn R phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn R 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

4/ Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi vải màu đen bên trong có 03 (ba) đoàn sắt.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia 105, màu đen (không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động).

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 085.20 ngày 12/02/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Châu Giang